

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/KDTM-ST.

Ngày: 22/5/2023

“*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng; hợp
đồng thế chấp QSDĐ*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ: Bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên

Trong ngày 22/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST- HPT ngày 08/5/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Q (V). Trụ sở: số 2x phố HV, phường LYT, quận HK, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến Đ- Chủ tịch HĐQT.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (G). Trụ sở số 10x phố THĐ, quận HK, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được ủy quyền: Ông Phạm Huy T- Tổng Giám Đốc (*hợp đồng ủy quyền số 5861/2014/MBN.V2-G, ngày 18/11/2014*).

Người đại diện theo ủy quyền lại của pháp nhân được ủy quyền: ông Đinh Công H - Giám đốc Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D Chi nhánh - TL (*Giấy ủy quyền số 53/2018/UQ- TGD ngày 29/8/2018*) và ông Đinh Tiến L, Nguyễn Huy H1 (*Giấy ủy quyền số 53/2018/UQ- TGD ngày 29/8/2018*)

2. **Bị đơn:**

2.1. Anh Hà Văn N, sinh năm 1984. Trú tại thôn LX, xã LĐ, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội;

2.2. Chị **Phùng Thị H**, sinh năm 1988 (nguyên là vợ của anh N – đã ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 66/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ). Hiện trú tại: xã LN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hà Văn L1, sinh năm 1963 (chết ngày 12/7/2015)

3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963 (mẹ Nam).

3.3. Anh Hà Văn N, sinh năm 1984;

3.4. Chị Hà Thị PA, sinh năm 1996;

3.5. Chị Hà Thị T1, sinh năm 1986;

3.6. Cháu **Lữ Hà M**, sinh năm 2012 và cháu **Lữ Hà Trung H1**, sinh năm 2010 (cháu M và cháu Trung H1 do chị Hà Thị T1 là người đại diện hợp pháp);

4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của ông Hà Văn L1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm:

4.1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963 (mẹ N).

4.2. Anh Hà Văn N, sinh năm 1984;

4.3. Chị Hà Thị PA, sinh năm 1996;

4.5. Chị Hà Thị T1, sinh năm 1986;

Cùng trú tại: thôn LX, xã LD, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa: Ông L, ông H, ông N.

Vắng mặt: Chị H (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt); bà N, chị T1, chị PA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2011, Chi nhánh TL - Ngân hàng TMCP D (nay đổi tên thành Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H ký Hợp đồng tín dụng số 0467/HĐTD-GPBT/11 với nội dung cụ thể như sau: số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng. Hình thức giải ngân là chuyển khoản. Lãi suất vay thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 10 hàng tháng, lãi suất các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của G tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất kỳ đầu 22%/ năm. Hình thức trả nợ là trả nợ lãi vào 25 hàng tháng, bắt đầu vào ngày 25/10/2011.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 20/09/2011, anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H đã nhận nợ số tiền là 1.000.000.000 đồng và ký kết Khế ước nhận nợ số LD 1126300004 ngày 20/9/2011; anh N ký Giấy ủy nhiệm chi và Ngân hàng đã chuyển khoản 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của công ty TNHH TM và SX TĐĐ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, hộ gia đình bà Nguyễn Thị N1 gồm bà N1, ông L1, anh N, chị T1, chị PA đã ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467^a, tờ bản đồ số 05, diện tích 430 m², trong đó 200 m² đất ở lâu dài, 230 m² đất vườn đến tháng 02/2057) tại địa chỉ tại thôn LX, xã LĐ, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị N1 và ông Hà Văn L1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 674304 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 04/04/2008. Hợp đồng thế chấp được công chứng số 03859.11, quyền số 09/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 16/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vạn Xuân TP Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 20/9/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh N – chị H đã trả được số tiền lãi là 50.146 đồng do đối trừ từ số tiền trong tài khoản của anh N. Ngoài ra, anh N và Ngân hàng đã bán khoản vay trên cho Công ty TNHH MTV Q (V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 5860/2014/MBN.V2-G, ngày 18/11/2014.

Nguyên đơn (V) đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H phải thanh toán trả cho Nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 08/02/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0467 là 4.641.582.811 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 212.824.854 đồng, nợ lãi quá hạn của gốc 2.687.416.667 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 741.341.290. Buộc anh N, chị H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp anh N, chị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ.

* *Bị đơn là anh Hà Văn N trình bày:* Anh xác nhận, anh và chị Phùng Thị H (lúc đó còn là vợ) có ký hợp đồng tín dụng số 0467, khế ước nhận nợ cùng ngày 20/9/2011 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng và cá nhân anh có ký giấy Ủy nhiệm chi ngày 20/9/2011 số tiền 1.000.000.000 đồng (anh N xác nhận sau khi được tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ tại phiên họp). Tuy nhiên, trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, anh không chấp nhận, vì anh chưa nhận được số tiền vay 1.000.000.000 đồng, sự việc thực chất như sau: Anh có nợ 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ tại số 1x, YT, ĐĐ, Hà Nội. Bà H2 là giám đốc Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ DH địa chỉ tại số 1C, ngõ T, HB, HK, Hà Nội. Bà H2 nói giúp anh vay vốn Ngân hàng để làm ăn và đã liên hệ với cán bộ Ngân hàng là anh L, chị P làm thủ tục giúp vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích của việc vay Ngân hàng là để anh sẽ trả nợ cho Bà H2 và số tiền còn lại để anh kinh doanh. Cán bộ Ngân hàng và Bà H2 bảo anh làm

giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để làm thủ tục vay tiền để hơn nên anh làm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề mua bán sắt thép và vật liệu xây dựng số 0118003960, đăng ký lần đầu ngày 09/8/2011. Thực chất tại thời điểm đó anh chưa kinh doanh ngành nghề gì mà chỉ định vay vốn Ngân hàng để kinh doanh. Cán bộ Ngân hàng hướng dẫn anh mượn tạm cửa hàng sắt thép của bạn để Ngân hàng kiểm tra và chụp ảnh lưu vào hồ sơ; anh mượn cửa hàng sắt thép của bạn tên là Tr ở xã TH, tại thời điểm đó anh không kinh doanh ngành nghề gì, không mua bán gì với Công ty TDD, nên các hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn chứng từ mua bán hàng hóa, các biên bản xác nhận công nợ, đều do Bà H2 lập và đưa cho anh ký. Bà H2 bảo ký vào các tài liệu này thì mới vay được tiền của Ngân hàng, nếu vay cá nhân thì sẽ không vay được tiền, vì cần tiền để kinh doanh nên anh đã ký vào các tài liệu này. Khi giải ngân, cán bộ Ngân hàng gọi anh đến giải thích về việc không giải ngân bằng tiền mặt mà giải ngân bằng hình thức chuyển khoản nên hướng dẫn anh làm số tài khoản và ký Ủy nhiệm chi vào tài khoản của Công ty TNHH TDD, thực tế Công ty TDD ở đâu anh không biết. Sau khi ký Ủy nhiệm chi, Bà H2 nói anh đến số 1 ngõ Thông để lấy tiền, nhưng nhiều lần anh đến không gặp được Bà H2, anh quay lại hỏi cán bộ Ngân hàng thì cán bộ Ngân hàng giải thích các thủ tục đã xong hết rồi, chỉ gặp Bà H2 để lấy tiền, nhiều lần anh gọi điện hẹn gặp nhưng Bà H2 khất lần, khoảng hơn 10 ngày sau Bà H2 vẫn không trả tiền cho anh, nên đã làm đơn đến Công an TP Hà Nội tại số 40 Hàng Bài và được biết Công an đã về địa phương để lấy lời khai và xác minh, nhưng do anh không ở nhà nên không biết kết quả xác minh như thế nào và anh được biết bà P và Bà H2 đã bỏ trốn, cơ quan Công an đang phát lệnh truy nã nên chưa biết kết quả vụ án.

Về tài sản thế chấp: Anh xác nhận gia đình anh gồm có anh, bố mẹ anh là ông L1, bà N1, các em anh là T1 và PA đã ký vào Hợp đồng thế chấp (sau khi được Tòa án cho tiếp cận các tài liệu khởi kiện của Nguyên đơn). Tuy nhiên, anh thấy việc định giá tài sản của Ngân hàng đối với tài sản thế chấp là không đúng với thực tế, vì tại thời điểm đó giá đất của gia đình chỉ 3.100.000đ đồng/m², nhưng Ngân hàng định giá là 14 triệu đồng/m². Anh khẳng định tại thời điểm thế chấp trên đất đã có ngôi nhà 2,5 tầng do bố mẹ anh xây, sau thời điểm thế chấp gia đình anh không sửa chữa hay cải tạo gì liên quan đến ngôi nhà. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh. Anh không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

Anh xác nhận bố anh – ông Hà Văn L1 đã chết năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm có: Bà N1, anh, chị T1, chị PA; ngoài ra không còn ai khác.

** Bị đơn - Chị Phùng Thị H trình bày tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt:* Chị và anh N là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Khoảng tháng 8, 9 năm 2011 anh N có làm hồ sơ vay tiền Ngân hàng, Ngân hàng tên là gì chị hoàn toàn không biết, chị chỉ biết anh N và gia đình anh đi ký hồ sơ giấy tờ, sau đó thiếu chữ ký của chị nên anh N đã

về chở chị đi ký hồ sơ ở Hà Nội, địa điểm cụ thể ở đâu chị không nhớ, sau đó mọi việc diễn ra giữa anh N và Ngân hàng như thế nào chị không biết, chị cũng không biết anh N có vay được tiền không hay vay bao nhiêu, chị không được cầm tiền và không được sử dụng tiền vay đó, anh N còn nợ bao nhiêu tiền và đã trả được bao nhiêu tiền chị cũng không biết vì số tiền đó chị không liên quan. Chị và anh N đã ly hôn vào năm 2018 và chị đã kết hôn với người khác, khi giải quyết ly hôn tại Tòa án hai bên đã xác nhận mọi vấn đề không liên quan đến nhau nữa, không có tài sản gì chung và không có khoản nợ nào chung. Khoản tiền vay Ngân hàng chị hoàn toàn không có quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm gì nữa vì đó là tài sản của anh N và gia đình anh N. Chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án vì chị không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị N1 trình bày (BL 163): Gia đình bà gồm ông Hà Văn L1, con Hà Văn N, Hà Thị PA, Hà Thị T1 đã ký Hợp đồng thế chấp thửa đất của gia đình bà để đảm bảo cho con trai là anh Hà Văn N vay vốn của Ngân hàng. Các thành viên trong gia đình bà đã ký vào Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, lúc ký Hợp đồng thế chấp là vào buổi chiều tối muộn nên các thành viên trong gia đình bà không được đọc nội dung Hợp đồng thế chấp vì các cán bộ bảo sắp hết giờ làm việc. Nguyên đơn khởi kiện đề nghị xử lý tài sản thế chấp là thửa đất của gia đình bà, bà không đồng ý vì thực tế con trai bà là anh Hà Văn N không được nhận bất kỳ khoản tiền nào từ Ngân hàng, việc tranh chấp giữa anh N và Ngân hàng chưa được giải quyết, anh N đề nghị cơ quan điều tra hình sự giải quyết về hình sự. Đề nghị Ngân hàng không xử lý phát mại tài sản của gia đình bà.

- Chị Hà Thị PA, Hà Thị T1: được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc và không tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** Tại Phiên Tòa:**

- Đại diện Nguyên đơn đề nghị anh N, chị H phải trả nợ, số tiền tạm tính đến 22/5/2023 là: Gốc 1.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn 212.824.854 đồng; Lãi quá hạn trên nợ gốc 2.760.375.000 đồng; Phạt chậm trả lãi 760.519.977 đồng. Tổng cộng là 4.733.719.831 đồng. Các chi phí tố tụng, phía Nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Bị đơn - anh N: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn với quan điểm đã trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Nguyên đơn, Bị đơn: đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự và tại phiên tòa xét xử sơ

thâm hôm nay, các đương sự đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể: Buộc Bị đơn phải trả nợ khoản gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn; không chấp nhận phần yêu cầu khoản Phạt chậm trả lãi 760.519.977 đồng. Trường hợp Bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467a, tờ bản đồ số 05, diện tích 430m², tại địa chỉ thôn LX, xã LĐ, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N1 và ông Hà Văn L1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 674304 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 04/04/2008 do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

- *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật*: Đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Bị đơn là cá nhân có đăng ký kinh doanh và tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng Bị đơn có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại huyện Chương Mỹ, nên ngày 18/6/2014, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định bị đơn - chị Phùng Thị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã có Quyết định chuyển vụ án số 01/2014/QĐ- CVA ngày 09/9/2024 lên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 26/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã thụ lý vụ án trên do Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chuyển theo thẩm quyền với căn cứ chị Phùng Thị H đã trở về Việt Nam.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đã bán khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q (V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 5860/2014/MBN.V2-G, ngày 18/11/2014, do vậy Nguyên đơn trong vụ án được xác định là V.

- Trong quá trình tố tụng, ông Hà Văn L1 chết (ngày 12/7/2015), do vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 sẽ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự gồm: Bà Nguyễn Thị N1, anh Hà Văn N, chị Hà Thị U, chị Hà Thị PA.

- Bà N1, chị PA, chị T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ thông qua anh Hà Văn N, nhưng đến nay Tòa án không nhận được ý kiến của những người này trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà N1, chị T1, chị PA đã tự tước bỏ việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; do vậy sẽ phải chịu hậu quả của việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng ngày 20/9/2011, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm để giải quyết tranh chấp.

[2.2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

[2.2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là anh N, chị H trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0467 ngày 20/9/2011, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 20/9/2011, Chi nhánh TL – Ngân hàng thương mại TNHH MTV D và anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H ký Hợp đồng tín dụng số 0467 với nội dung Ngân hàng cho anh N, chị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng. Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 20/09/2011 anh N, chị H đã ký Khế ước nhận nợ số LD 1126300004 với Ngân hàng số tiền là 1.000.000.000 đồng và anh N đã ký giấy ủy nhiệm chi để Ngân hàng chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của công ty TNHH TM và sản xuất TĐĐ số tiền 1.000.000.000 đồng.

Anh N cho rằng việc ký các giấy tờ để làm thủ tục vay và giấy Ủy nhiệm chi là do cán bộ Ngân hàng và người phụ nữ tên H2, thì thấy: Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy Ủy nhiệm chi thì anh N và chị H hoàn toàn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ký hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn, ký để vay vốn là đúng với mục đích, nguyện vọng của anh N, chị H. Việc anh N chưa lấy được số tiền 1.000.000.000 đồng từ công ty TNHH và sản xuất TĐĐ thì anh N có quyền khởi kiện/tố cáo công ty TNHH và sản xuất TĐĐ trong một vụ án khác.

Chị H cho rằng không liên quan gì đến khoản nợ trên do không sử dụng số tiền trên, nhưng chị H lại thừa nhận đã ký vào Hợp đồng tín dụng số 0467, ngày 20/9/2011 và hợp đồng này được ký kết trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh N đang tồn tại.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 66/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giữa chị Phùng Thị H và anh Hà Văn N thì chưa giải quyết về tài sản chung, công nợ chung – tức khoản nợ theo hợp đồng tín dụng trên chưa được giải quyết khi ly hôn. Do vậy, Nguyên đơn khởi kiện anh N và cả chị H là có căn cứ.

Hợp đồng tín dụng ký giữa nguyên đơn với anh N, chị H trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các quy định của pháp luật. Đến ngày tất toán của Hợp đồng tín dụng và cho đến ngày xét xử sơ thẩm, anh N, chị H vẫn chưa trả cho Ngân hàng (mà sau này khoản nợ được bán cho V) số tiền nợ gốc và trong thời hạn vay, anh N, chị H cũng không trả được lãi trong hạn và đến thời hạn phải tất toán khoản vay (ngày 20/9/2012), anh N chị H cũng không trả nợ được nợ.

Theo quy định khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn...”*.

Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu anh N và chị H phải trả nợ số tiền gốc chưa trả, lãi trong hạn còn nợ và lãi quá hạn trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

- *Khoản lãi trong hạn*: Theo bảng kê áp dụng tính lãi suất trong hạn của Nguyên đơn yêu cầu thấy phù hợp với các Quyết định Ban hành biểu suất tính lãi cho vay bằng VNĐ trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2011 đến ngày 19/9/2012 đối với khách hàng cá nhân kinh doanh. Số tiền lãi trong hạn anh N, chị H phải trả cho Nguyên đơn là 212.824.854 đồng.

- *Khoản lãi quá hạn*: *Tại khoản 1 mục I các điều khoản chung của 02 hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn.* Theo Quyết định Ban hành biểu suất tính lãi cho vay bằng VNĐ số 970 ngày 15/6/2012 đối với khách hàng cá nhân kinh doanh thì tại thời điểm ngày 20/9/2012 lãi suất áp dụng là 17%, vậy lãi suất quá hạn sẽ được tính là 25,5% kể từ ngày 21/9/2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 2.760.375.000 đồng (gốc 1.000.000.000 đồng x 25,5% x 3.897 ngày)

[2.2.2] Về yêu cầu đòi khoản phạt chậm trả lãi của Nguyên đơn thì thấy:

Số tiền lãi phạt chậm trả lãi của Nguyên đơn yêu cầu được tính là: {số dư lãi chậm trả (X) lãi suất chậm trả lãi (X) thời gian chậm trả lãi}.

Tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định: *“Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:*

a) *Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp*

luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.”

Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 20/9/2011;

Như vậy, Nguyên đơn đã tính “lãi trên số tiền lãi trong hạn còn nợ” của khách hàng, trái với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, nên không được chấp nhận.

Theo đó, không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị anh N, chị H phải trả nợ số tiền lãi phạt chậm trả lãi 760.519.977 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của nguyên đơn thì thấy: Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467^a, tờ bản đồ số 05, diện tích 430 m² (trong đó 200m² đất ở lâu dài, 230m² đất vườn đến tháng 02/2057) tại địa chỉ thôn LX, xã LD, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N1 và ông Hà Văn L1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 674304 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 04/4/2008. Hợp đồng thế chấp được công chứng số 03859.11, quyền số 09/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 16/9/2011 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân TP Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Chương Mỹ ngày 20/09/2011.

Anh N, bà N1 đều thừa nhận bà N1, ông L1, anh N, chị PA, chị T1 đã ký hợp đồng thế chấp trên tại thời điểm không có ai bị hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự, nhưng lại cho rằng bị cán bộ Ngân hàng và Bà H2 lừa dối, không được đọc hợp đồng thế chấp, thì thấy: Việc gia đình anh N ký kết Hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhăm lẩn, đúng với mục đích bảo đảm cho anh N, chị H vay vốn. Việc gia đình anh N, bà N1 và những người tham gia ký thế chấp không đọc các điều khoản trong Hợp đồng thế chấp là do đã tự từ bỏ quyền lợi của mình khi giao kết hợp đồng, nên vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về Hợp đồng đã tham gia ký kết.

Như vậy, việc thế chấp đã thực hiện đúng hình thức, trình tự và thủ tục, tuân thủ đúng quy định tại Điều 342, Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp trên là có hiệu lực pháp luật và có giá trị thi hành. Vì vậy, nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn trình bày, nguyên đơn tự nguyện chịu hoàn toàn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Bị đơn phải chịu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn.

[4] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu về lãi suất không được chấp nhận.
- Bị đơn - Anh N, chị H phải chịu án phí trên nghĩa vụ phải thi hành 3.973.199.854 đồng theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 271; 272 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các Điều 342, 343, 471, 474, 476 và Điều 309, Điều 310, khoản 1 Điều 318, 319, 320, 322, 323, 355, 715, 716, Điều 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH MTV Q đối với bị đơn anh Hà Văn N và chị Phùng Thị H.

2. Buộc anh Hà Văn N và chị Phùng Thị H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q theo Hợp đồng tín dụng số 0467/HĐTD-GPBTL/11 ngày 20/9/2011 số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2023 là: Gốc 1.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 212.824.854 đồng; lãi quá hạn 2.760.375.000 đồng. Tổng cộng 3.973.199.854 đồng.

Kể từ ngày 23/5/2023, anh Hà Văn N và chị Phùng Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền.

3. Trường hợp anh Hà Văn N và chị Phùng Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q thì Công ty TNHH MTV Q có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467^a, tờ bản đồ số 05, diện tích 430 m², trong đó 200 m² đất ở lâu dài, 230 m² đất vườn đến tháng 02/2057) tại địa chỉ thôn LX, xã LĐ, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N1 và ông Hà Văn L1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 674304 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 04/4/2008 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Công chứng 03859.11, quyền số 09/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 16/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vạn Xuân TP Hà Nội.

Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm, ngoài các đương sự trong vụ án, nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm mà có người khác sinh sống, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm cũng phải có trách nhiệm bàn giao tài sản bảo đảm nói trên để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý các tài sản bảo đảm nói trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty TNHH MTV Q theo số nợ của hợp đồng tín dụng mà họ phải trả.

4. Không chấp nhận yêu cầu đòi khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi của Công ty TNHH MTV Q đối với anh Hà Văn N, chị Phùng Thị H là 760.519.977 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng.

6. Về án phí:

- Công ty TNHH MTV Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 34.421.000 đồng. Xác nhận Công ty TNHH MTV Q (do Ngân hàng TMCP D) đã nộp số tiền 32.753.000 đồng tại Biên lai số 0001985 ngày 18/6/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội. Công ty TNHH MTV Q còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 1.668.000 đồng.

- Anh Hà Văn N và chị Phùng Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 111.464.000 đồng (đã làm tròn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy

định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi Cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- HSVA.
- Lưu VP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai